

Bản án số: **17/2025/HNGĐ – ST**
Ngày 30/12/2025
V/v “*Tranh chấp xác định cha cho con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Anh Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Văn Hào và bà Nguyễn Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị An – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2025/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2025 về “*Tranh chấp xác định cha cho con*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐST - HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1988. (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Nơi cư trú: xóm Đ, xã N, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Anh Liu C - L, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tầng F, số B, ngõ H, đường L, tổ A, phường N, quận Đ, Thành phố Đ, Đài Loan. (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Văn L1, sinh năm 1982. (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Nơi cư trú: xóm K, xã T, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày: Chị T và anh Nguyễn Văn L1 có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp, tuy nhiên hai vợ chồng sống không hạnh phúc và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với nhau và vợ chồng sống ly thân nhau chờ Toà án giải quyết ly hôn. Trong thời gian

sống ly thân nhau thì chị T và anh Liu C – Lun có quen biết nhau và phát sinh quan hệ tình cảm với nhau, chị T có bầu với anh Liu C1 – Lun và đã sinh ra cháu Liu Tiểu B – sinh ngày 09/5/2024. Sau khi sinh cháu thì chị T và anh Liu C – Lun đã đến UBND huyện N (cũ) đăng ký khai sinh cho cháu Liu Tiểu B. Tuy nhiên do cháu Liu Tiểu B sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ thời điểm chị T và anh Nguyễn Văn L1 chấm dứt quan hệ hôn nhân là ngày 05/02/2024 theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 15/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05/02/2024 của Toà án nhân dân huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An.

Để chắc chắn anh Liu C – L là cha đẻ cháu L2 Tiểu Bồi thì chị T và anh Liu C – L và cháu Liu Tiểu B đã đi xét nghiệm ADN. Theo kết quả xét nghiệm ADN số 241342GL/ADN ngày 17/6/2024 của Viện công nghệ A và phân tích di truyền – GENLAB kết luận: Liu Che – Lun có quan hệ huyết thống cha – con với người có tên Liu Tiểu B, độ tin cậy >99,9999%.

Để đảm bảo quyền lợi cho cháu L2 Tiểu Bồi, tôi làm đơn này yêu cầu Toà án giải quyết xác định anh Liu C - L là cha ruột của cháu Liu Tiểu B, sinh ngày 09/05/2024 và anh Nguyễn Văn L1 không phải là cha đẻ của cháu Liu Tiểu B.

Bị đơn anh Liu C – Lun có bản khai trình bày: Tôi và chị Phạm Thị T có quen biết và quan hệ tình cảm với nhau và hai bên đã đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 31/5/2025 tại UBND huyện N, tỉnh Nghệ An. Hai chúng tôi có một con chung và đã đăng ký khai sinh là Liu Tiểu B – sinh ngày 09/5/2024. Tuy nhiên con chung chúng tôi sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ thời điểm chị T và anh Nguyễn Văn L1 (Chồng cũ chị T) chấm dứt hôn nhân theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 15/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05/02/2024 của Toà án nhân dân huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An. Để chắc chắn cháu L2 Tiểu Bồi là con của tôi nên tôi và chị T, cháu Liu Tiểu B đã đi xét nghiệm ADN. Theo kết quả xét nghiệm ADN số 241342GL/ADN ngày 17/6/2024 của Viện công nghệ A và phân tích di truyền – GENLAB kết luận: cháu Liu Tiểu B – sinh ngày 09/5/2024 có quan hệ huyết thống cha – con với tôi, độ tin cậy >99,9999%. Vì vậy, tôi đề nghị Toà án xác định tôi là cha đẻ của cháu Liu Tiểu B – sinh ngày 09/5/2024.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn L1 có bản khai trình bày: Anh L1 và chị T là vợ chồng và sống ly thân nhau đến ngày 05/02/2024 thì ly hôn nhau theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 15/2024/QĐST-HNGĐ của Toà án nhân dân huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An. Chúng tôi có 03 con chung là Nguyễn Thị Thùy P, Nguyễn Thị Thùy S và Nguyễn Thị Thùy T1. Cháu Liu Tiểu B không phải con chung của tôi và chị T mặc dù sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ thời điểm tôi và chị T ly hôn nhau và tôi không liên quan gì đến cháu Liu Tiểu B.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về trình tự tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, ban hành các quyết định đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã làm đúng trình tự thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

Về việc giải quyết vụ án đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị T là xác định anh Liu C – Lun là cha ruột cháu Liu Tiểu B – sinh ngày 09/5/2024. Anh Nguyễn Văn L1 không phải là bố đẻ của cháu Liu Tiểu B.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và đương sự có mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về thẩm quyền giải quyết: Theo quy định tại khoản 4 Điều 28, Điều 35 và điểm c khoản 1 điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 8 – Nghệ An có thẩm quyền giải quyết yêu cầu của chị Phạm Thị T.

2. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 - Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Xét yêu cầu của chị Phạm Thị T thấy rằng: Chị T và anh Liu C – Lun có quan hệ tình cảm với nhau và hai bên có quan hệ tình dục với nhau dẫn đến chị T có bầu và sinh được một cháu gái là Liu Tiểu B – sinh ngày 09/5/2024. Chị T cho rằng cháu Liu Tiểu B là con chung của chị và anh Liu C - Lun. Tuy nhiên, cháu Liu Tiểu B sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ thời điểm chị T và anh Nguyễn Văn L1 (Chồng cũ chị T) chấm dứt hôn nhân theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 15/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An. Để có căn cứ chị T, anh Liu C – L và cháu Liu Tiểu B đã đi xét nghiệm ADN. Theo kết quả xét nghiệm ADN số 241342GL/ADN ngày 17/6/2024 của Viện công nghệ A và phân tích di truyền – GENLAB kết luận: Liu Che – Lun có quan hệ huyết thống cha – con với người có tên Liu Tiểu B, độ tin cậy >99,9999%. Mặt khác, anh Liu C - L cũng thừa nhận cháu Liu Tiểu B là con chung của anh và chị Phạm Thị T. Anh Nguyễn Văn L1 cũng xác định cháu L2 Tiểu Bối không phải con chung của anh với chị T.

Như vậy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự và kết quả giám định ADN thì thấy rằng nguyên đơn chị Phạm Thị

T yêu cầu Toà án xác định anh Liu C – L là cha ruột của cháu Liu Tiểu B – sinh ngày 09/5/2024 là có căn cứ để chấp nhận. Anh Nguyễn Văn L1 không phải là bố đẻ của cháu Liu Tiểu B.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị T được miễn nộp lệ phí theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 40, Điều 147, Điều 228 – Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 89, 91, 101 và 102 Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị T về việc xác định cha cho con. Xác định anh Liu C - L, sinh ngày 23/04/1985, Cư trú tại: Tầng F, số B, ngõ H, đường L, tổ A, phường N, quận Đ, Thành phố Đ, Đài Loan là cha đẻ của cháu gái Liu Tiểu B – sinh ngày 09/5/2024 theo kết quả xét nghiệm ADN số 241342GL/ADN ngày 17/6/2024 của Viện công nghệ A và phân tích di truyền – GENLAB. Anh Nguyễn Văn L1 không phải là bố đẻ của cháu Liu Tiểu B.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị T được miễn nộp lệ phí theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 8 – Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Anh Xuân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh

Hồ Văn Hào

Lương Anh Xuân